TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-PT
Ngày: 12-01-2022
V/v tranh chấp: Chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương
Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLPT-TC ngày 18 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp: "Chia di sản thừa kế"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/TCDS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị T (tên gọi khác Phương), sinh năm 1957
ĐKHKTT và nơi cư trú: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Vũ Xuân Th, sinh năm 1970.
ĐKHKTT và nơi ở: Xóm Th, thôn ĐĐ, xã ĐA, huyện VB, tỉnh NĐ. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th: Ông Lê Hồng C - Luật sư thuộc văn phòng luật sư công chứng Olympia, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà 141 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; địa chỉ: Số 10, đường Trần Đăng Ninh, phường Bà Triệu, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Duy Hưng - Chủ tịch UBND thành phố Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hoài Thu - Chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Nam Định.

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 21-6-2021). Vắng mặt.

2. Anh Vũ Xuân Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Q: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1957; ĐKHKTT và nơi cư trú: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 09-4-2020).

3. Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn An Cự, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Có mặt.

4. Ông Vũ Xuân Th1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 212 H34 đường Nguyễn Hữu C, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th1: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn An Cự, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

(Theo giấy ủy quyền ngày 25-3-2020).

5. Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 17, ngõ 109, đường Điện Biên, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Có mặt.

6. Ông Vũ Xuân Th2, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số nhà 07 ngõ 59 phố Đại Linh, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

7. Anh Vũ Xuân Th3, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ngách 250/4, Nhà C24, tập thể Tân Mai (vòng qua sân bóng Tân Mai), phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

8. Anh Vũ Xuân Th4, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ngách 250/4, Nhà C24, tập thể Tân Mai (vòng qua sân bóng Tân Mai), phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Th3, anh Th4: Bà Phạm Thị Kim Phượng, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ngách 250/4, Nhà C24, tập thể Tân Mai (vòng qua sân bóng Tân Mai), phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (Theo giấy ủy quyền lập ngày 07-5-2020). Vắng mặt.

** Người làm chứng*:

1. Ông Trần Thọ Hiếu, sinh năm 1954; địa chỉ: Số nhà 52, Nguyễn Tuân, phường Lộc Hạ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Có mặt.

2. Bà Đàm Thị Ánh, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 366, Văn Cao, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Thế Cương, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Ngói, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

4. Ông Trần Văn Tự, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Gia Thuân, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn An Duyên, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Có mặt.

6. Bà Trần Thị Ngà, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Viết Xuyến, sinh năm 1930; Địa chỉ: Xóm Thượng, thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

8. Ông Ngô Văn Giảng, sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm Tây, thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

9. Bà Đặng Thị Hồi, sinh năm 1934; địa chỉ: Số 199, đường Hàn Thuyên, phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

10. Ông Phùng Công Hoa, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm Đông, thôn An Duyên, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Có mặt.

11. Ông Bạch Văn Chính, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm Đông, thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Có mặt.

12. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm Thượng, thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Có mặt.

13. Ông Ngô Huy Mẫn - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mẫn: Ông Nguyễn Hoàng Việt - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

(Theo giấy ủy quyền ngày 22-7-2021). Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Vũ Xuân Th (Bị đơn), bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị T2 (Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bà Vũ Thị T là nguyên đơn trình bày:* Bà và ông Vũ Xuân Thức kết hôn hợp pháp năm 1981. Trong quá trình chung sống ông bà sinh được 02 con chung là Vũ Quốc Tuấn, sinh năm 1982 (chết năm 1984) và Vũ Xuân Q, sinh năm 1985, ngoài ra ông Thức không có con đẻ, con nuôi nào khác.

Trước khi kết hôn với bà, ông Thức đã kết hôn với bà Mừng nhưng đã ly hôn và không có con chung; hiện nay bà Mừng sinh sống ở đâu bà không biết. Ông Thức chết ngày 28-8-1995 không để lại di chúc.

Tài sản chung của bà và ông Thức trước khi ông Thức chết gồm: Diện tích đất 525 m^2 trong đó đất thổ cư 225m^2, đất ao HT 300m^2 thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 11 lập năm 1983 (chỉnh lý năm 1987) đứng tên ông Vũ Xuân Thức tại bản đồ địa chính xã Đại An. Nguồn gốc thửa đất: Năm 1976 ông Vũ Xuân Thức có đơn xin cấp đất làm nhà ở và được cấp thửa đất trên. Từ sau khi kết hôn năm 1981, vợ chồng bà sinh sống trên thửa đất này đến ngày 20-9-1993 vợ chồng bà đã bán 03 gian nhà trên một phần diện tích đất cho hộ ông Vũ Hữu Gắng để chuyển ra thành phố Nam Định sinh sống. Thời điểm bán đất vợ chồng bà và vợ chồng ông Gắng chỉ giao nhận mốc giới trên thực địa, xác định mốc giới phần diện tích đất có 02 gian nhà để bán chứ không đo đạc cụ thể diện tích đất bán nhưng bà nhớ chiều dài mặt đường lúc vợ chồng bà sử dụng khoảng 16 mét, bán cho ông Gắng chiều dài mặt đường gần 7,0m. Phần đất gia đình bà bán cho ông Gắng, gia đình ông Gắng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất của ông bà hiện còn lại theo bản đồ địa chính năm 2007, có tổng diện tích là 411,8m^2, trong đó: Đất ONT là 119,2m^2, đất CLN là 126,2m^2, đất NTS là 166,4m^2 thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7, đứng tên bà là Vũ Thị T; địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; trị giá thửa đất: Đất ONT trị giá 10.733.000 đồng/1m^2, đất CLN và đất NTS trị giá 75.000đ/ 1m^2. Hiện nay thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà xác định diện tích đất theo bản đồ địa chính năm 2007 của Uỷ ban nhân dân xã Đại An là 411,8m^2; thực tế phần đất thổ cư, đất ao, đất vườn là bao nhiêu thì bà không biết cụ thể. Quá trình Tòa án công khai kết quả thu thập chứng cứ thì bà mới biết trước đây theo bản đồ địa chính năm 1983 thì thửa đất có cả diện tích đất ao của Hợp tác xã. Bà xác định thửa đất số 50 tờ bản đồ số 11 năm 1983, địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, nay là thửa đất số 180 tờ bản đồ số 7 năm 2007 là tài sản chung của bà và ông Thức. Bà đề nghị chia phần di sản thừa kế của ông Thức theo quy định của pháp luật.

Trên thửa đất có công trình xây dựng gồm: 01 nhà 2 tầng diện tích 28,86m^2 trị giá 18.720.000 đồng; 01 nhà cấp 4 cũ không còn giá trị sử dụng (0 đồng); bếp bán mái trị giá 388.000 đồng; Giếng nước trị giá 538.000 đồng; 01 bể nước trị giá 1.224.000 đồng; 01 bể nước trị giá 220.000 đồng. Sân, lối đi trị giá 144.000 đồng; 01 cây nhãn trị giá 1.100.000 đồng; 01 cây nhãn trị giá 900.000 đồng. Toàn bộ tài sản trên đất là do cụ Mai và cụ Tuế (tên gọi khác Tế) tạo lập, không phải di sản thừa kế của ông Thức; hiện nay nhà cấp 4 đã đổ nát nên không còn giá trị sử dụng; những tài sản còn lại đều nằm trên vị trí phía tây của thửa đất, phần bà đề nghị chia cho ông Th vì vậy bà không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản trên đất.

Lý do bà đồng ý cho cụ Mai xây nhà 02 tầng vì thời điểm đó nhà cấp 4 đã xuống cấp, cụ Mai có nói với bà là xây lại nhà để làm nơi thờ cúng ông Thức nên bà mới đồng ý cho cụ Mai xây dựng nhà trên thửa đất này.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Xuân Thức gồm: Bà và con trai Vũ Xuân Q, bố mẹ đẻ của ông Thức là cụ Vũ Xuân Tuế (Tế), cụ Vũ Thị Mai.

Cụ Vũ Xuân Tuế, sinh năm 1921, chết ngày 07-9-1995; cụ Vũ Thị Mai, sinh năm 1924, chết ngày 22-12-2007.

Các con của cụ Tuế và cụ Mai gồm:

Ông Vũ Xuân Thức, chết 28-8-1995 (là chồng bà); ông Thức và bà có 02 con là Vũ Quốc Tuấn, sinh năm 1982 (chết năm 1984) và Vũ Xuân Q, sinh năm 1985. Ông Vũ Xuân Thiện, sinh năm 1953, chết ngày 16-7-1995; ông Thiện có vợ là Phạm Thị Kim Phượng, sinh năm 1956; 02 con trai là Vũ Xuân Th3, sinh năm 1982 và Vũ Xuân Th4, sinh năm 1985. Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1959. Ông Vũ Xuân Th1, sinh năm 1957. Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1959. Ông Vũ Xuân Th2, sinh năm 1961. Ông Vũ Xuân Th, sinh năm 1970.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tuế, cụ Mai gồm: Bà T1, ông Th1, bà T2, ông Th2, ông Th; anh Q, anh Th3, anh Th4 nhận thừa kế thế vị.

Bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những nội dung sau:

- Xác định thửa đất số 50, tờ bản đồ số 11 năm 1983, địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, nay là thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7, năm 2007 là tài sản chung của bà và ông Thức.

- Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Vũ Xuân Thức là ½ thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

- Chia thừa kế đối với kỷ phần thừa kế của cụ Vũ Xuân Tuế và cụ Vũ Thị Mai được hưởng từ ông Vũ Xuân Thức.

- Bà và anh Q (con trai bà) xin nhận phần di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Mẹ con bà xin nhận vị trí đất ở phía Đông của thửa đất (Phần đất có nhà cấp 4 không còn giá trị sử dụng) kéo thẳng từ phía Nam đến phía Bắc của thửa đất; Phần diện tích đất về phía Tây của thửa đất bà đề nghị chia cho các đồng thừa kế còn lại, bên nào nhận tài sản nhiều hơn thì phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bên kia.

** Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Vũ Xuân Th, người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Xuân Th là bà Vũ Thị T1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Xuân Th là ông Lê Hồng C có quan điểm trình bày:* Đồng ý với lời khai của bà T về hàng thừa kế và diện thừa kế của cụ Tuế, cụ Mai và ông Thức.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T: Ông Th không đồng ý và cho rằng thửa đất số 50, tờ bản đồ số 11 lập năm 1983 (chỉnh lý năm 1987) nay thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 1 lập năm 2007 là của bố mẹ ông là cụ Vũ Xuân Tuế và Vũ Thị Mai, vì: Năm 1976 ông Thức là thương binh nặng, được gia đình

đón về nuôi, trước khi đón về thì bố ông có bảo ông Thức làm đơn xin cấp đất và đã được Ủy ban nhân dân xã Đại An cấp cho thửa đất. Sau khi được cấp đất bố mẹ ông làm cho ông Thức 02 gian nhà đắp đất lợp tre để ông Thức sinh sống và sửa xe đạp tại nhà đất này. Do ông Thức là thương binh nặng, đi về nhà trong làng khó khăn nên bố ông đã mua lại 01 miếng đất của Hạt giao thông huyện Vụ Bản ở liền kề và làm 03 gian nhà ngói sinh sống bên cạnh để tiện chăm sóc ông Thức, ông Thức là thương binh nặng, bị chấn thương sọ não nhưng vẫn sửa xe đạp. Theo ông Th, thửa đất tranh chấp là của bố mẹ ông, nguồn gốc là do bố mẹ ông mua của Hạt giao thông, không liên quan đến diện tích đất ông Thức được cấp vào năm 1976. Diện tích đất do ông Thức được cấp đã được ông Thức, bà T bán cho hộ ông Vũ Hữu Gắng vào tháng 10 năm 1993 khi vợ chồng ông Thức chuyển ra thành phố Nam Định sinh sống. Từ thời điểm bố mẹ ông mua đất đến nay, thửa đất đứng tên ai trên bản đồ địa chính ông không biết, khi mẹ ông còn sống hàng năm mẹ ông là người đóng thuế đất. Trên diện tích đất tranh chấp còn 01 nhà ngói do bố mẹ ông xây và 01 nhà 02 tầng do mẹ ông phá đi 01 phần nhà ngói và xây nhà 02 tầng về phía Tây của thổ đất năm 1997. Ông Th không đồng ý xác định diện tích đất trên là của ông Thức để phân chia di sản thừa kế. Ông xác định đây là tài sản của bố mẹ ông là cụ Tuế (tức Tế) và cụ Mai, ông không đề nghị Tòa án phân chia tài sản này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của ông Th đề nghị bổ sung: Đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho bà T vì vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân vì không có tài liệu nào xác định chắc chắn ông Thức là chủ sử dụng mảnh đất này, bản đồ địa chính có lúc mang tên Phương, có lúc lại mang tên T và đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS 2015 vì căn cứ tiểu mục 1.4 mục 1 phần II của Nghị quyết 02/2004 ngày 10-8-2004 của HĐTPTANDTC "Trường hợp người chết để lại quyền sử dụng đất mà đất đó không có 1 trong các giấy tờ .. thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân". Đề nghị Tòa án xem xét lại các chứng cứ bà T nộp cho Tòa án như biên bản xác định ranh giới, mốc giới ngày 22-09-2005 có ông Trần Văn Tự là chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã ký xác nhận nhưng thời điểm đó ông Tự chưa giữ chức vụ chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đai An; Trích lục bản đồ địa chính năm 2007 do ông Nguyễn Gia Thuân ký, thời điểm năm 2007 ông Thuân chưa giữ chức vụ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đại An.

** Ngày 14-9-2020 ông Vũ Xuân Th có yêu cầu phản tố và ngày 23/9/2020 có đơn yêu cầu phản tố bổ sung với nội dung:* Năm 1993, gia đình ông Thức, bà T chuyển ra thành phố Nam Định sinh sống. Ông Thức là thương binh nặng nên được Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định cấp cho 01 nhà tình nghĩa ở địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Sau khi được cấp nhà, đất gia đình ông Thức có thỏa thuận được sử dụng cả 02 gian nhà của 02 bà mẹ liệt sỹ ở liền kề và xây dựng 01 ngôi nhà 02 tầng trên đất

vào khoảng năm 1993, 1994. Nguồn tiền xây nhà là do ông Thức bán nhà, đất tại xã Đại An, huyện Vụ Bản. Diện tích nhà, đất được cấp cụ thể bao nhiêu thì anh em ông không biết, qua hồ sơ địa chính lưu trữ về thửa đất ông được biết diện tích nhà đất hiện nay thuộc thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2 địa chỉ: 10/179, tổ 18, đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ với tổng diện tích là 42,2m^2 được cấp cho chủ sử dụng đất là bà Vũ Thị T. Tổng trị giá thửa đất là 211.000.000 đồng, tổng trị giá công trình xây dựng trên đất là 171.956.000 đồng. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006 cho bà T là sai vì đây là tài sản của ông Thức để lại, không thể cấp cho mình bà T khi chưa có ý kiến của mẹ và anh em ông. Ông Th và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th đề nghị:

+ Xác định diện tích đất tại thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ + nhà 02 tầng xây trên đất có tổng trị giá là 382.956.000đ (Ba trăm tám mươi hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng) là di sản của ông Thức để chia cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 297717 ngày 01-12-2006 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định cấp cho bà Vũ Thị T đối với diện tích đất 42,2m^2 tại thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ vì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sai, đề nghị chuyển vụ án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định để giải quyết theo đúng trình tự.

+ Đề nghị triệu tập chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng, chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định tham gia tố tụng vì lý do hai đơn vị này đã làm thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai cho bà T.

***** *Bà Vũ Thị T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Vũ Xuân Th vì các lý do:*

- Đối với 02 thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ: Năm 1993 gia đình bà chuyển ra thành phố Nam Định sinh sống, vì ông Thức là thương binh, thuộc diện người có công với cách mạng, gia đình bà không có nơi ở nên được Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng cho mượn 01 gian nhà thuộc dãy nhà cấp 04 trước đây của Chùa Cuối để ở nhờ. Dãy nhà này có 04 gian nhà liền kề nhau, mỗi gian nhà khoảng 12m^2, sân đi chung, nhà vệ sinh và nhà bếp sử dụng chung. Uỷ ban nhân dân phường cho các hộ gia đình chính sách ở nhờ, bên cạnh gian nhà gia đình bà ở có 02 gian nhà của 02 mẹ liệt sỹ là cụ Long và cụ Đắc sinh sống. Khi phường giao nhà cho mượn thì gian nhà đã xuống cấp, phường có hỗ trợ 01 khoản tiền nhỏ cho gia đình bà sửa lại mái nhà cho khỏi dột, đến thời điểm ông Thức chết năm 1995 gia đình bà vẫn sống trong 01 gian nhà 12m^2 này nhưng cũng không được cấp theo diện nhà tình nghĩa. Khoảng năm 2000, cụ Đắc ở liền kề chuyển

đi nơi khác sinh sống, bà đã hỗ trợ cụ Đắc 01 khoản tiền và bà đã xin phường (xin miệng) cho bà cùng con trai sử dụng thêm gian nhà đất của cụ Đắc. Gian nhà gia đình bà mượn ở vào năm 1993 thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 2 lập năm 2004 có diện tích 29,2m^2 gồm 01 gian nhà và phần sân chung, khi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà không phải nộp thuế. Gian nhà bà sử dụng lại của cụ Đắc thuộc thửa đất số 209, tờ bản đồ số 2 lập năm 2004 có diện tích hơn 12m^2 được các ban ngành của phường Vị Hoàng tổ chức họp và nhất trí cho bà làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này nhưng bà phải nộp 50% nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Năm 2006 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cả 02 thửa đất + sân chung.

+ Đối với ngôi nhà 02 tầng trên thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ: Ngôi nhà này được bà sửa từ 02 gian nhà cấp 4 thành nhà 2 tầng vào năm 2000, 2001 bằng tiền bà tiết kiệm và đi vay. Số vàng ông Thức bán nhà đất ở xã Đại An vào năm 1993 là 30 chỉ vàng đã được ông bà sử dụng để trang trải cuộc sống lúc gia đình chuyển ra thành phố Nam Định vì khi đó bà không có công ăn việc làm lại nuôi con nhỏ. Khi ông Thức chết còn 03 chỉ vàng bà đã dùng số vàng này để tổ chức đám hiếu cho ông Thức hết. Như vậy số vàng bán đất ở Đại An đã chi dùng hết khi ông Thức chết, việc bà sửa 02 gian nhà cấp 4 thành nhà 02 tầng này không liên quan gì đến số vàng ông Thức bán nhà đất vào năm 1993. Bà xác định thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2 và nhà 02 tầng có địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ có diện tích 42,2m^2 trị giá 382.956.000 đồng là tài sản riêng của bà, không liên quan gì đến ông Vũ Xuân Thức. Vì vậy bà không nhất trí hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng và chia di sản thừa kế là nhà đất này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị T2, ông Vũ Xuân Th2, ông Vũ Xuân Th1 đều nhất trí với quan điểm trình bày của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

- Anh Vũ Xuân Q nhất trí với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà Vũ Thị T. Anh đề nghị được hưởng di sản thừa kế của bố anh là ông Vũ Xuân Thức và đề nghị được hưởng thừa kế thế vị của cụ Mai và cụ Tuế từ di sản thừa kế của bố anh. Anh đề nghị giao toàn bộ phần di sản anh được hưởng cho mẹ anh là bà Vũ Thị T (Phương), không yêu cầu bà T phải thành toán cho anh bất kỳ khoản tiền nào.

- Anh Vũ Xuân Th3, anh Vũ Xuân Th4 tặng cho lại phần di sản thừa kế nếu các anh được nhận cho bà Vũ Thị T và không yêu cầu bà T phải thanh toán lại cho các anh bất kỳ khoản tiền nào.

- Bà Nguyễn Thị Hoài Thu - đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định trình bày: Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh

Nam Định không đồng ý với toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Vũ Xuân Th vì các lý do:

+ Năm 1993 Ủy ban nhân dân phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định cho hộ ông Thức, bà T ở nhờ trong 01 gian nhà thuộc dãy nhà cấp 04 cũ ở khu vực Chùa Cuối vì gia đình ông Thức thời điểm đó không có nơi ở, ông Thức là thương binh nặng. Ủy ban nhân dân phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định không có thẩm quyền cấp nhà đất cho người dân, kể cả người có công với cách mạng. Như vậy hộ ông Thức chỉ được ở nhờ chứ không được cấp nhà, đất vào năm 1993.

+ Năm 1995 ông Thức chết, năm 2004 bà T có đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất có 01 gian nhà gia đình bà được cho mượn và 01 gian nhà bà xin sử dụng của cụ Đắc (mẹ liệt sỹ đã chuyển đi nơi khác sinh sống). Qua xét duyệt, bà T đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng làm thủ tục trình Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất trên cho bà T. Như vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho cá nhân bà Vũ Thị T.

+ Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không xác định Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

** Những người làm chứng:*

- *Ông Nguyễn Thế Cương trình bày*: Ông làm công tác địa chính xã Đại An từ 01-8-2007 đến hết tháng 6-2020 thì chuyển công tác khác, ông có ý kiến như sau:

Biên bản xác định ranh giới ngày 22-9-2005 của các thửa đất mang tên Vũ Thị T: Đây là biên bản xác định mốc giới giữa các hộ liền kề để phục vụ công tác đo đạc bản đồ địa chính năm 2007. Công việc bắt đầu từ cuối năm 2004, đoàn đo đạc tiến hành làm theo từng thôn. Thời điểm này ông Đoàn Văn Bình là cán bộ địa chính xã, ông Phùng Công Khoát là chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đại An. Công tác đo đạc kiểm tra mốc giới kết thúc vào ngày 01-4-2007. Ông làm công tác địa chính xã Đại An từ năm 2007, ông Trần Văn Tự được bổ nhiệm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đại An vào năm 2006. Việc đo đạc diễn ra trong thời gian dài, cán bộ đo đạc lấy xong toàn bộ số liệu hiện trạng của các thửa đất xong mới hoàn thiện hồ sơ để trình ký. Khi công việc kết thúc, ông Bình nghỉ việc, ông Khoát chuyển công tác khác nên ông là cán bộ địa chính và ông Trần Văn Tự là chủ tịch Uỷ ban nhân dân thời điểm đó đã ký toàn bộ hồ sơ để hoàn thiện công tác kiểm tra, đo đạc đất đai trên địa bàn xã Đại An, huyện Vụ

Bản. Vì lý do này nên trong các biên bản xác định ranh giới, mốc giới đất của bà T có chữ ký của ông và của ông Trần Văn Tự.

+ Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1983, chỉnh lý năm 1987 thì thửa đất tranh chấp trên thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 11 chủ sử dụng đất là ông Vũ Xuân Thức; giáp thổ đất ông Thức: Phía Đông là đất ông Trụ, phía Tây là đất ông Nhạc, Phía Bắc giáp đất Ủy ban (đất ao, thùng đào, đất ruộng), phía nam giáp đường 12. Như vậy không có diện tích đất nào tiếp giáp với hộ ông Thức là đất của Hạt giao thông huyện Vụ Bản.

+ Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 2007 thì thổ đất tranh chấp thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 diện tích 411,8m^2 đứng tên bà Vũ Thị T. Lý do đứng tên bà T là do hộ dân tự kê khai theo hiện trạng sử dụng đất.

- *Ông Nguyễn Gia Thuân trình bày:* Ông hiện là chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đại An, huyện Vụ Bản; Tại trích lục bản đồ địa chính 2007 cấp cho bà Vũ Thị T, bên bị đơn cho rằng ông ký cấp trích lục vào năm 2007 là không đúng, văn bản này ông ký vào thời gian ông đang là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đại An, huyện Vụ Bản. Nội dung là cấp trích lục bản đồ địa chính của thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 diện tích 411,8m^2 theo bản đồ địa chính năm 2007 chứ không phải ông ký cấp trích lục bản đồ vào năm 2007. Anh Vũ Xuân Th có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Đại An, thường xuyên đi về khu nhà tạm trong khu đất trang trại trồng hoa lan trước mặt khu làm việc của Ủy ban nhân dân xã. Anh Th có vợ con, nhà cửa ở Nam Định, anh Th vẫn đi về với vợ con ở ngoài thành phố Nam Định.

- *Ông Trần Văn Tự trình bày*: Ông làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đại An từ 01-6-2006, đến 12-7-2015 chuyển làm Bí Thư Đảng Ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Đại An. Tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới ngày 22-9-2005 của các thửa đất mang tên Vũ Thị T; Nguyễn Văn T; ông Vũ Hữu Gắng: Văn bản này có chữ ký của ông ký xác nhận với chức danh là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đại An, nếu theo biên bản này thì thời điểm đó ông chưa làm chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đại An, lý do ông ký vào văn bản này ông không nhớ nhưng ông biết việc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại địa bàn xã Đại An diễn ra từ năm 2004 đến năm 2007 thì kết thúc, công việc này phục vụ cho việc xây dựng bản đồ địa chính năm 2007 và diễn ra từ thời điểm ông Khoát làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã. Khi công việc của đoàn đo đạc kết thúc vào năm 2007 thì lúc này ông đã giữ chức Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đại An. Việc lập hồ sơ xác định ranh giới, mốc giới đất xã Đại An là do đoàn đo đạc làm toàn bộ công tác thực địa và sau khi làm xong mới về hoàn thiện toàn bộ hồ sơ và ký nhận. Ông xác định đúng là chữ ký của ông nhưng ký vào thời gian nào ông không nhớ rõ.

- *Ông Nguyễn Văn T trình bày*: Gia đình ông sinh sống liền kề bên nhà cụ Tuế và ông Thức, không có tranh chấp gì về đất với ông Thức. Quá trình ông sử

dụng ông có xin cụ Tuế mấy cm đất ở phía sau, lý do xin mấy cm đất cụ Tuế là do lúc đó cụ Tuế đang sử dụng và ở đất này.

- *Ông Bạch Văn Chính, ông Phùng Công Hoa trình bày*: Thời điểm năm 1993 các ông đã trực tiếp xuống từng hộ dân để đo đạc, kiểm tra lại toàn bộ diện tích hiện trạng đất các hộ dân đang sử dụng và lập Biên bản kiểm tra đất đai vào ngày 12-6-1993. Thời điểm này hộ ông Thức vẫn còn sinh sống trên thửa đất, ông Thức trực tiếp chỉ mốc giới và ký vào biên bản kiểm tra đất. Thửa đất của hộ ông Thức có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Nam giáp đường 12, phía Đông giáp hộ ông Nhạc (sau này ông Nhạc bán đất cho ông T), phía Tây giáp hộ ông Trụ, phía Bắc giáp đất của HTX, không có đất của Hạt giao thông ở khu vực này.

- *Ông Ngô Văn Giảng trình bày*: Ông làm chủ tịch UBND xã Đại An từ năm 1985 đến năm 1989 sau đó chuyển sang làm Bí thư xã đến năm 2000 ông nghỉ hưu. Về nguồn gốc thửa đất có tranh chấp là cấp cho ông Thức theo chính sách cấp cho người có công với cách mạng. Ngày 12-12-2007 ông xác nhận vào giấy của bà Vũ Thị Mai, nội dung xác nhận bà Mai trình bày đúng sự thật. Nay ông xác nhận việc bà Mai trình bày trong đơn là vào năm 1977 có mua thêm số đất liền kề của Phòng giao thông là không đúng vì thời điểm đó khu vực này không có đất của Phòng giao thông hay Hạt giao thông.

- *Ông Nguyễn Viết Xuyến trình bày*: Thời điểm năm 1993 ông làm Đội trưởng hợp tác xã Đại Đê, xã Đại An. Thửa đất hộ ông Thức tiếp giáp với 02 hộ dân là hộ ông Nhạc và hộ ông Trụ; phía trước là đường 12, phía sau là đất của Hợp tác xã, nhà ông Thức xây trên phần diện tích đất giáp đường 12. Sau đó ông Thức bán một phần đất cho ông Gắng, tiếp giáp thửa đất của ông Thức không có đất của Hạt giao thông. Ông Th trình bày tại Bản tự khai ngày 24-3-2020 là ông chứng kiến việc mua bán đất giữa cụ Tuế và Hạt giao thông là không đúng vì liền kề thửa đất này không có đất của Hạt giao thông.

- *Bà Trần Thị Ngà trình bày*: Bà là vợ của ông Vũ Hữu Gắng, năm 1993 vợ chồng bà có mua lại của ông Thức, bà T 02 gian nhà ngói và 01 gian nhà mái bằng. Khi mua bán giữa hộ bà và hộ ông Thức chỉ giao nhận mốc giới đất, không đo đạc cụ thể nên không biết được diện tích đất gia đình bà mua là bao nhiêu m^2 nhưng chiều dài mặt đường phần đất bà và ông Gắng mua của ông Thức khoảng 6,9m. Vợ chồng bà mua nhà của ông Thức với giá 30 chỉ vàng. Hiện trạng sử dụng đất thời điểm bà mua thì phía nam giáp mặt đường 12 là đất ở, có nhà trên đất, phía sau nhà là đất ao. Năm 2008 vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau này vợ chồng bà đã chuyển nhượng thửa đất này cho vợ chồng anh Chung, hiện nay vợ chồng anh Chung lại chuyển nhượng diện tích đất cho anh Quản, chị Ngọc.

- *Bà Đặng Thị Hồi trình bày*: Năm 1998 bà chuyển về sinh sống tại Tổ dân phố số 18, phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Bà

tham gia công tác phụ nữ của tổ dân phố. Bà biết mẹ con bà T sinh sống trong 02 gian nhà cấp 4 và bà được biết trong đó có 01 gian nhà bà T được Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng cho ở nhờ và 01 gian nhà của cụ Đắc chuyển đi nơi khác sinh sống để lại cho bà T ở. Cuộc sống của mẹ con bà T rất khó khăn, nhà cửa xuống cấp, dột nát nên khoảng năm 2000 bà T xây sửa lại 02 gian nhà cấp 4 thành nhà 02 tầng. Năm 2004 bà T làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận vì phường không đồng ý cho bà T làm thủ tục đối với gian nhà của cụ Đắc. Thấy hoàn C mẹ con bà T rất đáng thương, mẹ góa, con côi, mặt khác mẹ con bà T đã sinh sống ổn định tại thổ đất này và không tranh chấp với ai nên Tổ dân phố và bà con khu phố đã cùng ý kiến đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Ủy ban nhân dân phường Vị Hoàng đã tổ chức cuộc họp và quyết định làm thủ tục trình cấp sổ đỏ cả 02 thửa đất của bà T, nhưng thửa đất có gian nhà của cụ Đắc thì bà T phải đóng thuế cho Nhà nước. Năm 2006, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất 89+209, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: số 10/179, hàn Thuyên, Vị Hoàng, Nam Định.

- *Bà Đàm Thị Ánh trình bày*: Chồng bà là ông Bùi Văn Tấn (đã chết) cùng đi bộ đội và là anh em kết nghĩa với ông Thức và nhận cụ Tế, cụ Mai là bố mẹ nuôi (nhận miệng). Thời điểm ông Thức sống ở xã Đại An, ông Thức có ra nhà ông bà chơi và nói chuyện với vợ chồng bà thổ đất ông Thức đang sinh sống ở xã Đại An là của bố mẹ ông Thức. Vợ chồng bà chưa bao giờ nhìn thấy giấy tờ liên quan đến thửa đất này và cũng không nghe thấy ông Thức nhắc đến chuyện ông Thức có làm đơn xin được cấp đất làm nhà.

- *Ông Trần Thọ Hiếu trình bày*: Ông và ông Thức, ông Tấn là bạn chiến đấu và nhận nhau làm anh em kết nghĩa. Sau này các ông về nhà ông Thức chơi và bố mẹ ông Thức nhận các ông là con nuôi (chỉ nhận miệng, không có văn bản giấy tờ gì). Ông thường qua nhà ông Thức chơi, thời điểm đó ông biết cụ Tế sinh sống ở 02 nơi là nhà ở trong làng và nhà ở ngoài mặt đường cùng nơi ông Thức sinh sống. Cụ Tế xây cho ông Thức 01 căn nhà, ông Thức làm nghề sửa xe, bố mẹ ông Thức bán hàng tạp hóa. Ông được biết sau đó gia đình cụ Tế có mua thêm một phần đất của Ban giao thông, mua vào thời gian nào thì ông không nhớ. Ông Thức kết hôn với bà Mừng nhưng chưa có con thì ly hôn và sau đó kết hôn với bà T. Khi gia đình ông Thức chuyển ra thành phố Nam Đinh sinh sống, lúc đầu ở nhờ nhà bố mẹ vợ, sau đó được cấp nhà tình nghĩa và gia đình ông Thức sinh sống tại ngôi nhà đó.

- *Ông Hoàng Quốc Việt - đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Huy Mẫn-Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định trình bày*: Gian nhà cấp 04 có diện tích 12m^2 hộ ông Vũ Xuân Thức và bà Vũ Thị T sinh sống từ năm 1993 tại địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ là nhà do Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng cho mượn, ở nhờ chứ

không phải cấp nhà đất theo diện nhà tình nghĩa vì lý do Uỷ ban nhân dân phường không có thẩm quyền cấp nhà, đất cho người dân. Sau khi ông Thức chết thì mẹ con bà T sử dụng thêm 01 gian nhà liền kề của cụ Đắc (cụ Đắc là mẹ liệt sỹ chuyển đi nơi khác sinh sống). Năm 2004 bà Vũ Thị T có đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 gian nhà bà T đang sinh sống. Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của bà Vũ Thị T cho 02 thửa đất số 87 + 209, tờ bản đồ số 2, có tổng diện tích là 42,2m^2 (Thửa số 87 là 29,3m^2; thửa số 209 là 12,9m^2) tại địa chỉ Số 10/179 đường Hàn Thuyên, phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định. Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng đã làm đúng quy trình để trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Đối với thửa đất số 87 được hộ bà T sử dụng ổn định từ năm 1993, không tranh chấp với các hộ khác, Uỷ ban nhân dân phường có xác nhận nguồn gốc đất vào đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Vũ Thị T ngày 28-12-2005 là *"UBND phường giao nhà tình nghĩa cho bà T (Vợ liệt sỹ Vũ Xuân Thức) năm 1993"*, việc xác nhận này thể hiện việc Uỷ ban nhân dân phường giao nhà cho hộ ông Thức ở nhờ chứ không phải cấp nhà tình nghĩa cho hộ ông Thức. Vì lý do đó nên bà T không phải đóng tiền thuế đất đối với thửa đất này. Đối với thửa đất số 209, tổ dân phố và các ban ngành đã mở cuộc họp vào ngày 07-12-2005 và thống nhất phương án họp thức hóa thửa đất này cho bà T nhưng bà T phải thực hiện 50% nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Sau đó Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng trình Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất số 87 + 209, tờ bản đồ số 2, có tổng diện tích là 42,2m^2 cho bà Vũ Thị T là đúng quy định của pháp luật.

Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất cho bà T thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định, do đó phía bị đơn yêu cầu Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì ông không đồng ý.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/TCDS-ST ngày 29-9-2021 của Toà án nhân dân huyện Vụ Bản, đã Quyết định:

Căn cứ Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 610, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 65 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 100, Luật đất đai 2013

Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành luật đất đai 2013.

Căn cứ vào Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T (Phương) về việc chia di sản thừa kế của ông Vũ Xuân Thức là diện tích đất ở tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 lập năm 2007 đứng tên bà Vũ Thị T, địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo pháp luật.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu của bà Vũ Thị T (Phương) về việc chia di sản thừa kế của ông Vũ Xuân Thức là diện tích đất CLN và TSN tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 lập năm 2007 đứng tên bà Vũ Thị T, địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Th, bà T1, bà T2 về việc không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Vũ Thị T đối với thửa đất tại thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định mà xác định diện tích đất tranh chấp ở xã Đại An là tài sản của cụ Tuế và cụ Mai.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Xuân Th về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Thức là ½ quyền sở hữu căn nhà tình nghĩa gắn liền với quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ theo quy định của pháp luật và tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 297717 ngày 01-12-2006 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định cấp cho bà Vũ Thị T đối với diện tích đất 42,2m^2 tại thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

4. Xác định di sản thừa kế của ông Vũ Xuân Thức, cụ Vũ Xuân Tuế (tức Tế) và cụ Vũ Thị Mai như sau:

- Xác định ½ diện tích đất ONT (đất thổ cư) của diện tích đất 119,2m^2 = 59,6m^2 đất trị giá 639.686.800 đồng thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 năm 2007 đứng tên bà Vũ Thị T; địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định là di sản thừa kế của ông Thức để chia cho những người được hưởng thừa kế theo pháp luật là bà Vũ Thị T, anh Vũ Xuân Q, cụ Vũ Xuân Tuế (Tế), cụ Vũ Thị Mai.

- Xác định kỷ phần thừa kế cụ Vũ Xuân Tuế và cụ Vũ Thị Mai được nhận từ ông Thức là 29,8m^2 đất trị giá 319.843.400đồng để chia cho những người được hưởng thừa kế là ông Thiều, bà T1, bà T2, ông Th2, ông Th; con của ông Thức là anh Q và các con của ông Thiện là anh Th3, anh Th4.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị T về việc bà tự nguyện thanh toán giá trị tài sản trên đất bà được giao là 2.500.000 đồng cho ông Th, ông Th1, ông Th2, bà T1, bà T2. Số tiền 2.500.000 đồng sẽ giao cho ông Th quản lý, ông Th có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Th1, ông Th2, bà T1, bà T2 mỗi người 500.000 đồng.

6. Di sản thừa kế được phân chia như sau:

- Giao bà Vũ Thị T (tức Phương) được quản lý và sử dụng diện tích 70,4m^2 đất ở (đất ONT) về phía Đông của thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7, năm 2007 đứng tên bà Vũ Thị T, địa chỉ thửa đất: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp: Phía Đông tiếp giáp đất

ông T có 02 đoạn: 01 đoạn (đoạn 6-7) dài 6,8 mét; 01 đoạn (đoạn 4-5) dài 4,3 mét; phía Tây tiếp giáp đất chia cho ông Th (đoạn 16-8) dài 11,9m; phía Bắc tiếp giáp đất Ủy ban (đoạn 16-4) dài 7,9m; phía Nam có 02 đoạn: 01 đoạn giáp đường Quốc lộ 38B (đoạn 7-8) dài 5,2m; 01 đoạn giáp đất ông T (đoạn 5-6) dài 1,7m. Trị giá tài sản bà T được nhận là 755.603.000 đồng. Bà T (Phương) được sở hữu các tài sản trên diện tích đất gồm một phần sân, lối đi kéo thẳng theo diện tích đất được giao; 01 bể nước; 02 cây nhãn và nhà cấp 4 đã hết khấu hao, giá trị còn lại 0 đồng. Bà Vũ Thị T được nhận tiền thanh toán chênh lệch tài sản từ ông Th là 295.309.800 đồng. Đối trừ số tiền 2.500.000 đồng giá trị tài sản trên đất bà tự nguyện thanh toán giao cho ông Th, bà T còn được nhận số tiền ông Th thanh toán là 292.809.800 đồng.

- Giao ông Vũ Xuân Th được quản lý và sử dụng diện tích 48,8m^2 đất ở trị giá 523.770.400 đồng (đất ONT) về phía tây của thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 năm 2007 đứng tên bà Vũ Thị T, địa chỉ thửa đất: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp: Phía Đông giáp đất giao cho bà T (đoạn 16-8) dài 11,9m; phía Tây giáp đất bà Ngọc (đoạn 9-10) dài 12,3m; phía Nam giáp đường Quốc lộ 38B (đoạn 8-9) dài 4,0m; phía Bắc giáp đất Ủy ban (đoạn 10-16) dài 4,0m. Trị giá tài sản ông Th được nhận là 523.770.400 đồng, cùng toàn bộ tài sản xây dựng trên diện tích đất là nhà 02 tầng mái bằng, giếng nước, bể nước, một phần sân, lối đi. Ông Th phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà T là 295.309.800 đồng. Đối trừ số tiền 2.500.000 đồng giá trị tài sản trên đất bà T tự nguyện thanh toán giao cho ông Th, ông Th còn phải thanh toán cho bà T số tiền là 292.809.800 đồng. Đồng thời ông Vũ Xuân Th có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Xuân Th2, bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị T2, ông Vũ Xuân Th1 mỗi người 45.691.500 đồng tiền di sản thừa kế và thanh toán cho mỗi người 500.000 đồng tiền bà T tự nguyện thanh toán tiền tài sản trên đất. Như vậy, ông Th phải thanh toán cho ông Th1, ông Th2, bà T1, bà T2 mỗi người 46.191.500 đồng. Di sản thừa kế ông Th còn được hưởng là 45.694.600 đồng, đồng thời ông Th được hưởng 500.000 đồng giá trị tài sản trên đất do bà T tự nguyện thanh toán, tổng giá trị tài sản ông Th được hưởng và được nhận là 46.194.600 đồng.

- Ông Vũ Xuân Th1, ông Vũ Xuân Th2, bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị T2 mỗi người được nhận từ ông Th 46.191.500 đồng tiền giá trị di sản thừa kế và tài sản trên đất.

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Tạm giao cho bà Vũ Thị T và ông Vũ Xuân Th sử dụng phần diện tích đất CLN là 126,2m^2, đất NTS là 166,4m^2 thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7, năm 2007 cụ thể như sau:

- Tạm giao bà Vũ Thị T sử dụng phần diện tích đất về phía Đông của thửa đất, kéo thẳng từ cạnh phía nam của phần diện tích đất thổ cư bà T được nhận thừa kế đến hết diện tích đất về phía Bắc của thửa đất, diện tích là 223,8m^2 (trong đó đất CLN là 112,2m^2, đất NTS là 111,6m^2) có các cạnh tiếp giáp: Phía Đông có 02 đoạn gồm: 01 đoạn (đoạn 1-2) dài 12,1m, 01 đoạn (đoạn 3-4) dài 5,4m; phía Tây giáp đất tạm giao cho ông Th (đoạn 14–16) dài 17,4m; phía Bắc giáp đất Ủy ban nhân dân (đất hai lúa), (đoạn 14-1) dài 18,4m; phía Nam có 02 đoạn, (đoạn 16-4) giáp đất thổ cư giao cho bà T dài 7,9m, (đoạn 3-2) giáp đất ông T dài 3,7m.

- Tạm giao ông Vũ Xuân Th sử dụng diện tích đất phía Tây của thửa đất, kéo thẳng từ cạnh phía nam của diện tích đất thổ cư ông Th được giao thừa kế đến hết phần diện tích đất về phía Bắc của thửa đất, diện tích là 68,8m^2 (trong đó đất CLN là 14,0m^2, đất NTS là 54,8m^2) có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông (đoạn 14-16) dài 17,4m giáp đất tạm giao cho bà T; phía Tây có 02 đoạn: 01 đoạn (đoạn 12-10) dài 14,4m giáp đất bà Ngọc; 01 đoạn (13-12) dài 3,4m giáp đất ông Trụ; phía Bắc giáp đất Ủy ban nhân dân (hai lúa) (đoạn 13-14) dài 2,9m; phía Nam giáp đất thoee cư ông Th được chia thừa kế (đoạn 10-16) dài 4m.

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo).

8. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục liên quan đến đất được giao và tạm giao theo quy định của pháp luật và quyết định của bản án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 18/10/2021 Tòa án nhân dân huyện Vụ bản nhận được đơn kháng cáo đề ngày 07/10/2021 của bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị T2 và ngày 14/10/2021 ông Vũ Xuân Th có kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng

1. Tuyên không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Vũ Thị T đối với thửa đất tại thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Diện tích 411,8m^2 tờ bản đồ số 7, thửa số 180 trước đây là thửa đất số 50 tờ bản đồ số 11.

2. Tuyên huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 297717 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định cấp ngày 01-12-2006 cho bà Vũ Thị T đối với thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, diện tích 42,2m^2 địa chỉ thửa đất: Số 10/179 tổ 18, đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

3. Chia di sản thừa kế của ông Thức là một phần quyền sở hữu căn nhà tình nghĩa gắn liền với quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Diện tích đất thổ cư 225m^2 đứng tên chủ sử dụng là ông Thức, có nguồn gốc là do ông Thức có đơn xin cấp đất ngày 10-10-1976. Diện tích 300m^2 đứng tên HT là thuộc Hợp tác xã. Ông Thức đã bán cho ông Gắng 294m^2 trong đó có 115,2m^2 đất thổ cư, 30,4m^2 đất vườn và 148,4m^2 đất ao. Như vậy, ông Thức chỉ được quyền chuyển nhượng đối với đất thổ cư, 300m^2 đất HT là do cụ Tuế và cụ Mai lấn chiếm và sử dụng từ năm 1976. Vợ chồng ông Thức không phải là người lấn chiếm. Ông Thức kết hôn với bà Mừng và ly hôn năm 1980 nên bà Mừng phải có ½ tài sản. Cấp sơ thẩm xác định bà T được chia 50% đất ở là trái pháp luật. Toà án sơ thẩm áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 để giải quyết nhưng không xem xét Nghị quyết số 01 của TANDTC để xác định tài sản chung của ông Thức là không đúng. Xác định phải có ông Thức mới có đất này nhưng khi vợ chồng ông Thức chuyển ra Nam Định sinh sống thì thổ đất để cho bố mẹ sử dụng từ đó đến nay là đã lâu và mẹ đã xây nhà trên đất để ở. Cụ Mai lập di chúc bằng văn bản và được UBND xã Đại An xác nhận nên di chúc là hợp pháp theo Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với thửa đất số 87+209 tờ bản đồ số 2 diện tích 42,2m^2 địa chỉ tại: Số 10/179 tổ 18, đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Bản án sơ thẩm nhận định sai thực tế, không có căn cứ hợp pháp. Các bản thu thập chứng cứ, những người cung cấp đều có lời khai suy diễn, chủ quan. Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận thể hiện nguồn gốc thửa đất do UBND phường Vị Hoàng cấp cho ông Vũ Xuân Thức theo diện nhà tình nghĩa năm 1993.

Trong cùng một vụ án, đất ở Vụ Bản do UBND xã cấp cho ông Thức thì Hội đồng xét xử công nhận nhưng nhà đất ở Nam Định thì lại kết luận UBND phường không có thẩm quyền.

Bà T2, bà T1, ông Th có yêu cầu được nhận đất được chia nhưng án sơ thẩm lại giao đất cho bà T, ông Thực còn bà T1, bà T2 lại được nhận bằng giá trị là không đúng yêu cầu của đương sự. Đề nghị áp dụng Án lệ số 33 để giải quyết đối với diện tích đất tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 1 lập năm 2007; địa chỉ tại: Xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định:

+ Tuyên không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Vũ Thị T đối với thửa đất tại thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, diện tích 411,8m^2, thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 (trước đây là thửa đất số 50 tờ bản đồ số 11). Lý do thứ nhất là đất đang có tranh chấp quyền sử dụng. Lý do thứ 2: đất lấn chiếm là cụ Tuế và cụ Mai lấn chiếm, đất ở còn lại có thể nói ông Thức đã cho cụ Tuế, cụ Mai quyền sử dụng đất.

+ Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 297717 ngày 01-12-2006 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định cấp cho bà Vũ Thị T đối với diện tích đất 42,2m^2 tại thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

+ Chia di sản thừa kế của ông Thức là ½ quyền sở hữu căn nhà tình nghĩa gắn liền với quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ theo quy định của pháp luật.

+ Đề nghị công nhận di chúc của cụ Mai lập là hợp pháp vì có xác nhận của UBND xã.

- Ông Vũ Xuân Th hoàn toàn nhất trí với quan điểm của luật sư C và trình bày: Đất là của bố mẹ mua của Hạt giao thông, ông Thức là thương binh nặng nên không thể vượt lập đất được. Bố mẹ ở trên đất và xây nhà trên đất nên không thể cho rằng thổ đất là của ông Thức để đem phân chia thừa kế được.

- Bà Vũ Thị T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo; giữ nguyên quan điểm như đã nêu ở cấp sơ thẩm.

- Bà Vũ Thị T2 giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Đất là của bố mẹ mua của Hạt giao thông và có người làm chứng là ông Giảng, ông Xuyến xác nhận. Ông Thức là thương binh nặng nên không thể vượt lập đất được. Đất anh Thức được xã cấp nhưng đã bán cho ông Gắng nên không còn. Khi mẹ còn sống bà là người ở cùng mẹ bà trên thổ đất nhưng không thấy có ai đến hỏi hay làm thủ tục gì cả nhưng bà không hiểu vì sao bà T lại có tên trên bản đồ địa chính. Đề nghị xem xét giải quyết để đất về với chính chủ. Đề nghị chia di sản thừa kế của ông Thức là một nửa nhà đất tại địa chỉ số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ theo quy định của pháp luật.

- Bà Vũ Thị T: Không nhất trí với nội dung kháng cáo của ông Th, bà T1 và bà T2. Bà T giữ nguyên quan điểm đề nghị chia diện tích đất thừa kế ở Vụ Bản cho ông Th 4 mét mặt đường về phía Tây của thửa đất theo mặt đường Quốc lộ 38B, theo chiều từ phía Nam kéo thẳng ra phía Bắc hết đất của thửa đất (đất ở, đất vườn, đất ao) được bao nhiêu giao cho ông Th bấy nhiêu, ông Th phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho bà và các đồng thừa kế. Diện tích đất mặt đường còn lại là 5,2 mét về phía Đông của thửa đất theo mặt đường Quốc lộ 38B, theo chiều từ phía Nam kéo thẳng lên phía Bắc (đất ở, đất vườn, đất ao) được bao nhiêu m^2 mẹ con bà xin nhận bấy nhiêu. Các tài sản trên thửa đất do cụ Tuế và cụ Mai xây dựng về phía Tây giao cho bên bị đơn, bà không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Tài sản trên đất của cụ Tuế và cụ Mai bên phần đất bà nhận về phía Đông có tổng trị giá tài sản trên đất là 2.364.000 đồng, bà tự nguyện thanh toán toàn bộ cả phần sân lối đi 220.000 đồng, cùng các tài sản là cây nhãn, bể nước tổng là 2.500.000 đồng cho bị đơn là ông Th, ông Th có trách nhiệm thanh toán lại số tiền này cho bà T1, bà T2, ông Th1, ông Th2. Đề nghị

giao số tiền này cho ông Th để đối trừ đi số tiền ông Th phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà và ông Th có trách nhiệm thanh toán cho ông Th2, ông Th1, bà T1, bà T2 mỗi người 500.000 đồng tiền tài sản trên đất. Hoàn toàn không nhất trí với di chúc của cụ Mai. Khi bố mẹ ở trên đất, nhà đã xuống cấp mẹ xây lại nhà nói là để ở thờ cúng ông Thức nên trách nhiệm là con bà mới đồng ý để cụ Mai xây nhà.

Đối với nhà đất tại địa chỉ số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ không phải là nhà tình nghĩa được cấp mà đây là tài sản riêng của bà, không có liên quan gì đến ông Thức nên không thể huỷ giấy chứng nhận và chia thừa kế đối với nhà đất này.

- Đại diện VKS trình bày quan điểm: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo bản đồ địa chính năm 1983 thửa đất số 50, tờ bản đồ số 11 có diện tích 525 m^2 trong đó đất thổ cư 225m^2, đất ao HT 300m^2. Thửa này có 2 chủ sử dụng là ông Vũ Xuân Thức và HTX. Nguồn gốc 225m^2 đất ở là do ông Thức làm đơn xin đất ngày 10-10-1976, diện tích đất này đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận còn lại 300m^2 là đất ao của HTX. Năm 1993 ông Thức bán cho ông Gắng 03 gian nhà nhưng không thông qua UBND xã Đại An, năm 2008 hộ ông Gắng đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ với diện tích là 294m^2, trong đó: Đất thổ cư là 115,2m^2, đất vườn là 30,4m^2, đất ao là 148,4m^2. Xác định ông Thức chỉ bán phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Thức là 115,2m^2 còn phần đất vườn, ao thuộc quyền quản lý của HTX, ông Thức không có quyền bán. Theo bản đồ địa chính năm 2007, thửa đất số 180 tờ bản đồ số 7 có diện tích là 411,8m^2, trong đó đất ONT là 119,2m^2, đất CLN là 126,2m^2, đất NTS là 166,4m^2 đứng tên bà Vũ Thị T. Việc không xuất hiện đất HT là do thời điểm này HTX không còn chức năng quản lý nữa. Như vậy, diện tích đất vườn ao vẫn thuộc quyền quản lý của UBND xã Đại An. Theo Quyết định 115 ngày 04/9/1992 của UBND tỉnh Nam Hà thì gia đình ông Thức không thuộc đối tượng được giao đất nông nghiệp. Như vậy, xác định toàn bộ diện tích đất lấn chiếm HT phía sau thửa đất, gồm đất vườn 126,2m^2 đất ao 166,4m^2 đứng tên bà Vũ Thị T thuộc quyền quản lý của UBND xã Đại An. Kết quả xác minh cho thấy từ khi ông Thức nhận đất đến nay không có công dân nào có đơn đề nghị được công nhận quyền sử dụng 300m^2 HT; trên địa bàn xã Đại An không có đất của Hạt giao thông; toàn bộ hồ sơ địa chính liên quan đến thửa đất không có tài liệu nào thể hiện đã cấp cho cụ Tuế, cụ Mai nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng ông Thức,

bà T là 119,2m^2 đất ở theo đo đạc thực tế. Bản án sơ thẩm xác định ½ diện tích đất thổ cư 59,6m^2 là di sản thừa kế của ông Thức là phù hợp.

Những người được hưởng thừa kế của ông Thức gồm bà T, anh Q, cụ Tuế, cụ Mai.

Những người được hưởng thừa kế của cụ Tuế, cụ Mai là ông Th1, bà T1, bà T2, ông Thuỳ, ông Th, người thừa kế của ông Thức là là anh Q và người thừa kế của ông Thiện là anh Th3, anh Th4.

Ông Th có yêu cầu phản tố, cho rằng thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 42,2m^2 tại địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ là di sản thừa kế của ông Thức để chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Đề nghị huỷ GCN cấp cho bà Vũ Thị T đối với 2 thửa đất trên. Theo UBND thành phố Nam Định, năm 1993 UBND phường Vị Hoàng cho hộ ông Thức, bà T ở nhờ 01 gian gian nhà cấp 4 ở khu vực Chùa cuối. UBND phường không có thẩm quyền cấp đất cho người dân. Như vậy, ông Thức chỉ được ở nhờ, không được cấp. Ông Thức chết năm 1995, năm 2004 bà T có đơn kê khai, qua xét duyệt bà T đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. GCNQSDĐ cấp cho bà T là đúng quy định.

Do vậy, kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Vũ Xuân Th, bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị T2 làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Các tình tiết, sự kiện trong vụ án được các đương sự đều thừa nhận:

Cụ Vũ Xuân Tuế và cụ Vũ Thị Mai có 07 người con, gồm: Ông Vũ Xuân Thức, ông Vũ Xuân Thiện, ông Vũ Xuân Th1, bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị T2, ông Vũ Xuân Th2 và ông Vũ Xuân Th.

Cụ Vũ Xuân Tuế, sinh năm 1921, chết ngày 07-9-1995. Cụ Vũ Thị Mai, sinh năm 1924, chết ngày 22-12-2007.

Ông Vũ Xuân Thức chết 28-8-1995. Ông Thức có vợ là bà Vũ Thị T (tên gọi khác là Phương); có 02 con là Vũ Quốc Tuấn, sinh năm 1982 (chết năm 1984) và Vũ Xuân Q, sinh năm 1985.

Ông Vũ Xuân Thiện chết ngày 16-7-1995. Ông Thiện có vợ là Phạm Thị Kim Phượng và 02 con trai là Vũ Xuân Th3, sinh năm 1982 và Vũ Xuân Th4, sinh năm 1985.

Ông Vũ Xuân Thức kết hôn với bà Mừng và đã ly hôn, không có con chung. Năm 1981 ông Thức kết hôn với bà Vũ Thị T (tức Phương) có 02 người con là Vũ Quốc Tuấn đã chết khi còn nhỏ và anh Vũ Xuân Q. Năm 1995 ông Thức chết không để lại di chúc.

[3] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị T2, bà Vũ Thị T1, ông Vũ Xuân Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Vũ Xuân Thức kết hôn với bà Mừng và đã ly hôn, không có con chung. Năm 1981 ông Thức kết hôn với bà Vũ Thị T (tức Phương) có 02 người con là Vũ Quốc Tuấn đã chết khi còn nhỏ và anh Vũ Xuân Q. Năm 1995 ông Thức chết không để lại di chúc. Như vậy, theo quy định của Điều 651 Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Thức gồm: Bà T, anh Q, cụ Mai, cụ Tuế.

Cụ Vũ Xuân Tuế, chết ngày 07-9-1995. Cụ Vũ Thị Mai, chết ngày 22-12-2007. Ông Vũ Xuân Thức chết 28-8-1995. Ông Vũ Xuân Thiện chết ngày 16-7-1995.

Ông Vũ Xuân Thức và ông Vũ Xuân Thiện chết trước cụ Tuế, cụ Mai nên con của ông Thức là anh Vũ Xuân Q và con của ông Thiện là anh Vũ Xuân Th3, anh Vũ Xuân Th4 được hưởng thừa kế thế vị từ ông Thức và ông Thiện theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự.

* Về nguồn gốc đất tranh chấp: Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 lập năm 2007 trước đây là thửa số 50 tờ bản đồ số 11 tại thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Theo các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình; Qua xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Thửa đất số 50 tờ bản đồ số 11 lập năm 1983 (chỉnh lý năm 1987) đứng tên ông Vũ Xuân Thức có diện tích 525 m^2 trong đó đất thổ cư 225m^2, đất ao HT 300m^2; nay là thửa đất số 180 tờ bản đồ số 7 lập năm 2007 có diện tích là 411,8m^2, trong đó đất ONT là 119,2m^2, đất CLN là 126,2m^2, đất NTS là 166,4m^2 đứng tên bà Vũ Thị T; địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Năm 1976 ông Vũ Xuân Thức có đơn xin đất làm nhà ở. Thời điểm này UBND xã Đại An, huyện Vụ Bản đang thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước là ưu tiên người có công với cách mạng xin cấp đất làm nhà ở. Do vậy, ông Thức và 03 trường hợp cũng là thương binh khác tại địa phương được xét duyệt cấp đất làm nơi sinh sống. Theo bản đồ địa chính năm 1987; sổ đăng ký ruộng đất (sổ 5b) và sổ mục kê thì thửa số 50 tờ bản đồ số 11 đứng tên chủ sử dụng là ông Thức. Ông Thức kết hôn với bà Mừng nhưng không có con chung và đã ly hôn. Ông Thức kết hôn với bà T năm 1981. Theo Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, thì: "Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới". Như vậy,

thửa đất số 50 tờ bản đồ số 11 lập năm 1983 (chỉnh lý năm 1987) được xác định là tài sản chung của ông Thức và bà T.

Tại phiên toà, ông Th, bà T1, bà T2 cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là của bố mẹ là cụ Mai, cụ Tuế mua của Hạt giao thông; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th lại cho rằng đất tranh chấp là của ông Thức nhưng để lại cho bố mẹ sử dụng đã lâu dài và đã xây dựng nhà trên đất. Như vậy, trình bày của đương sự và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự là mâu thuẫn, không thống nhất về nguồn gốc đất. Mặt khác, các đương sự lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện cụ Mai, cụ Tuế mua đất của Hạt giao thông. Theo bản đồ địa chính năm 1983 (chỉnh lý năm 1987) và bản đồ năm 2007 thì trên địa bàn xã Đại An không có đất của Hạt giao thông. Các tài liệu, chứng cứ thu thập được đều thể hiện khu vực đất có tranh chấp không có đất của Phòng giao thông hay Hạt giao thông. Toàn bộ hồ sơ địa chính liên quan đến thửa đất hiện lưu trữ tại Uỷ ban nhân dân xã không có tài liệu nào thể hiện diện tích đất nêu trên đã cấp cho cụ Vũ Thị Mai, cụ Vũ Xuân Tuế (tức Tế).

Quá trình sử dụng, theo bản đồ địa chính năm 1983 (chỉnh lý năm 1987) thể hiện thửa đất số 50 tờ bản đồ số 11 có diện tích 525m^2 mang tên Thức, trong đó 225m^2 đất thổ cư và 300m^2 ao HT. Năm 1993, ông Thức, bà T đã bán cho vợ chồng ông Vũ Hữu Gắng 1 phần đất, trên đất có 03 gian nhà. Khi mua bán các bên tự mua bán với nhau, không thông qua chính quyền địa phương và chỉ xác định mốc giới phần diện tích đất có nhà để bán chứ không đo đạc cụ thể. Năm 2008 ông Vũ Hữu Gắng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mua lại của ông Thức là 294m^2, trong đó: Đất thổ cư là 115,2m^2, đất vườn là 30,4m^2, đất ao là 148,4m^2. Xét thấy, thửa đất số 50 tờ bản đồ số 11 có 300m^2 ao là của Hợp tác xã nên ông Thức chỉ có quyền định đoạt và chỉ được chuyển nhượng cho ông Vũ Hữu Gắng 115,2m^2 đất ở vậy nên diện tích đất thổ của ông Thức chỉ còn lại là 109,8m^2. Theo bản đồ địa chính năm 2007, diện tích đất trên thuộc thửa đất số 180 tờ bản đồ số 1 có diện tích 411,8m^2, trong đó: Đất ONT là 119,2m^2, đất CLN là 126,2m^2, đất NTS là 166,4m^2. Như vậy, đến thời điểm này thửa đất số 180 tờ bản đồ số 1 đã xuất hiện thêm đất CLN và NTS nhưng lại không còn đất HT. Bởi lẽ, theo quy định của Luật đất đai năm 1993 thì Hợp tác xã không còn chức năng quản lý về đất nữa, đất công sẽ do Uỷ ban nhân dân xã quản lý nên hồ sơ đo đạc không còn ký hiệu đất HT. Thời điểm này hiện trạng sử dụng đất là đất CLN (đất vườn) và NTS (đất ao, thủy sản ngọt). Sau khi bán nhà đất cho ông Gắng thì diện tích đất thổ của ông Thức còn lại là 109,8m^2. Theo bản đồ địa chính năm 2007 thì diện tích đất của thửa số 180 tờ bản đồ số 1 là 119,2m^2 (tăng 9,4m^2). Đến nay các hộ liền kề ở phía Đông và phía Tây nhà ông Thức đều đã sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vụ Bản cung cấp: Việc diện tích tăng giảm là do quá trình sử dụng đất có sự biến động là do đo đạc và sai số là được chấp nhận, nằm trong phạm vi sai số cho phép.

Như vậy, năm 1976 ông Vũ Xuân Thức có đơn xin đất làm nhà ở và vợ chồng ông Thức đã sinh sống trên thửa đất đến năm 1993 chuyển ra Nam Định nhưng không có văn bản, giấy tờ gì thể hiện ông Thức đã tặng cho hay chuyển nhượng cho cụ Mai, cụ Tuế. Trên bản đồ địa chính, sổ mục kê, sổ đăng ký đất đai thì diện tích đất ở vẫn đứng tên ông Thức, bà T. Việc bà Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là hoàn toàn có căn cứ, được xem xét.

* Cấp sơ thẩm xác định diện tích đất hợp pháp của ông Thức và bà T là 119,2m^2 nằm trong thửa số 180 tờ bản đồ số 1 và bà T được hưởng ½ diện tích đất = 59,6m^2; ½ diện tích đất còn lại là di sản thừa kế của ông Thức có trị giá 59,6m^2 x 10.733.000 đồng/m^2 = 639.686.800 đồng.

Ông Thức chết năm 1995. Những người được hưởng phần di sản thừa kế của ông Thức là: cụ Tuế, cụ Mai, bà T, anh Q mỗi người được hưởng 59,6m^2 :4 = 14,9m^2 đất = 159.921.700 đồng.

Cụ Tuế và cụ Mai được nhận phần di sản thừa kế từ ông Thức là 14,9m^2 x 2 = 29,8m^2 = 319.843.400 đồng. Cụ Tuế và cụ Mai có 7 người con, cụ Tuế chết năm 1995, cụ Mai chết năm 2007; di sản thừa kế của cụ Tuế và cụ Mai được chia cho các đồng thừa kế gồm ông Th1, bà T1, bà T2, ông Th2, ông Th, anh Q (con của ông Thức), anh Th3 và anh Th4 (con ông Thiện): 29,8m^2 :7 = 4,2571m^2 đất = 45.691.500 đồng.

Do anh Q, anh Th3, anh Th4 tặng lại kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà T nên bà T được hưởng tổng cộng là 38,3142m^2 đất = 411.226.300 đồng.

Phần di sản cụ Mai, cụ Tuế được thừa kế từ ông Thức sẽ được chia cho các đồng thừa kế còn lại (gồm ông Th1, ông Th2, bà T1, bà T2, ông Th) là 21,2855m^2 đất = 228.457.200 đồng, như vậy mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 4,2571m^2 đất = 45.691.500đồng.

Phần di sản thừa kế bà T được hưởng là 59,6m^2 = 639.686.800 đồng + phần di sản thừa kế bà được nhận từ việc tặng cho là 38,3142m^2 đất = 411.226,300 đồng; tổng diện tích đất bà T được hưởng là 59,6m^2 đất + 38,3142m^2 đất = 97,9142m^2 đất =1.050.913.000 đồng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp có trong hồ sơ vụ án; căn cứ nguồn gốc, quá trình sử dụng; căn cứ hiện trạng thổ đất, nhu cầu sử dụng thực tế, cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế như vậy là phù hợp, hoàn toàn có căn cứ pháp lý.

* Đối với diện tích 300m^2 HT theo bản đồ địa chính năm 1983 (chỉnh lý năm 1987) thuộc đất hợp tác xã. Trong đơn xin đất làm nhà, ông Thức có xin đoạn vó đào phía sau để làm ao rửa và ông Thức đã sử dụng diện tích 300m^2 HT từ trước năm 1993. Bản đồ địa chính năm 2007 thể hiện đất CLN (đất vườn) 126,2m^2 và đất NTS (đất ao, thuỷ sản ngọt) 166,4m^2 thuộc thửa đất số 180 tờ bản đồ số 1. Theo cung cấp của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Vụ Bản thì diện tích đất CLN và NTS thuộc quyền quản lý của UBND xã. Thời điểm Hợp tác xã thực hiện giao chia đất nông nghiệp ổn định cho hộ gia đình, cá nhân theo Quyết định số 115 ngày 04-9-1992 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Hà thì gia đình ông Thức không làm ruộng, do đó không thuộc đối tượng được giao chia đất nông nghiệp; không có căn cứ về việc Hợp tác xã đã giao khoán cho ông Thức hay không nên việc ông Thức sử dụng đất này được xác định là lấn chiếm chứ không phải đất khai hoang. Đối với diện tích đất này đến nay chưa được xây dựng phương án xử lý. Diện tích đất này không thuộc quy hoạch đất công. Do vậy, cấp sơ thẩm đã xử tạm giao cho các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

* Đối với tài sản gắn liền với thửa đất trên, các đương sự đều xác định toàn bộ tài sản trên đất do cụ Tuế và cụ Mai tạo lập và không đề nghị Tòa án giải quyết. Phần diện tích đất bà T có nguyện vọng được nhận về phía Đông, trên đất có các tài sản gồm: 01 cây nhãn trị giá 1.100.000 đồng; 01 cây nhãn trị giá 900.000 đồng; 01 bể nước giá trị 220.000 đồng và một phần sân. Bà T tự nguyện thanh toán toàn bộ phần sân, lối đi trị giá 144.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 2.364.000 đồng. Bà T tự nguyện thanh toán toàn bộ trị giá các tài sản trên đất là 2.500.000 đồng cho những người hưởng thừa kế là ông Th, ông Th2, ông Th1, bà T1, bà T2; bà thanh toán số tiền 2.500.000 đồng cho ông Th, ông Th có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Th1, ông Th2, bà T1, bà T2 mỗi người 500.000 đồng. Phần của anh Q, anh Th4, anh Th3 được hưởng tặng cho bà giá trị tài sản trên đất này bà từ chối nhận, bà tự nguyện nhường lại cho những người được hưởng thừa kế còn lại. Các tài sản trên phần đất về phía Tây của thửa đất giao cho ông Th các đương sự không ai có ý kiến đề nghị xem xét, phân chia. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

* Đối với thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, diện tích 42,2m^2 địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ mang tên người sử dụng là bà Vũ Thị T.

Xét thấy, thửa đất số 87 tờ bản đồ số 2 không phải do UBND phường Vị Hoàng cấp cho ông Vũ Xuân Thức theo diện nhà tình nghĩa; không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện nguồn gốc đất cấp cho ông Thức theo diện người có công.

Uỷ ban nhân dân phường không có thẩm quyền cấp nhà, đất cho người dân. Đối với thửa đất số 209 tờ bản đồ số 2 có nguồn gốc là gian nhà cấp 4 trước đây là của cụ Đắc (mẹ liệt sỹ) được UBND phường Vị Hoàng cho cụ Đắc mượn để ở. Ông Thức chết năm 1995, đến năm 2004 bà T có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 01-12-2006 bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do các ban ngành họp xét và do bà T có đủ điều kiện. Do vậy, thửa đất này là tài sản riêng của bà T, không phải là di sản thừa kế của ông Thức để lại. Đối với nhà 2 tầng xây dựng trên đất, có đủ căn cứ xác định là do bà T xây dựng sau khi ông Thức chết. Không có căn cứ vững chắc về việc bà T đã sử dụng số vàng do bán nhà đất cho ông Gắng để xây dựng nhà 2 tầng. Do vậy, kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Thức là 1 phần quyền sở hữu căn nhà tình nghĩa gắn liền với quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ của bà T1, bà T2, ông Th là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

* Theo cung cấp của UBND phường Vị Hoàng thì: Năm 1993 Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định đã giao cho hộ ông Vũ Xuân Thức mượn 01 gian nhà cấp 4 khoảng hơn 12m^2 ở khu vực Chùa Cuối, phường Vị Hoàng để làm nơi sinh sống vì ông Thức là thương bình nặng, chưa có nơi ở ổn định. Năm 1995 ông Thức chết, vợ con ông Thức vẫn sinh sống trong gian nhà này. Sau bà T xin thêm 01 gian nhà cấp 04 liền kề (trước đây là gian nhà cụ Đắc - mẹ liệt sỹ ở, cụ Đắc chuyển đi nơi khác sinh sống). Năm 2004 bà T làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất có 02 gian nhà bà T đang sinh sống. Do bà T đã ở ổn định trong thời gian dài, không có tranh chấp với các hộ xung quanh nên Ủy ban nhân dân phường Vị Hoàng, tổ dân phố và các ban ngành của phường đã mở cuộc họp và thống nhất phương án bà T chỉ phải nộp 50% nghĩa vụ thuế đối với thửa đất có gian nhà của cụ Đắc, còn phần đất có gian nhà + sân bà T sử dụng thì không phải chịu nghĩa vụ thuế. Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng đã lập hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật trình Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị T. Vào năm 1993, Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng không cấp nhà, đất tình nghĩa cho ông Vũ Xuân Thức vì phường không có thẩm quyền cấp nhà đất cho công dân.

Đại diện chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai, thành phố Nam Định cung cấp: Uỷ ban nhân dân phường không có thẩm quyền cấp nhà, đất cho người dân. Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng đã làm các thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích là 42,2m^2 tại thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2 địa chỉ: Số 10/179, tổ 18 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ là cấp cho cá

nhân bà Vũ Thị T. Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất trên cho bà Vũ Thị T là đúng quy trình và quy định của pháp luật.

Văn phòng đăng ký đất đai - Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cung cấp: Căn cứ vào Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện năm 1993 Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định giao nhà tình nghĩa cho ông Vũ Xuân Thức. Uỷ ban nhân dân phường không có thẩm quyền cấp nhà, đất cho người dân, vì vậy hộ ông Thức chỉ được ở nhờ trong gian nhà cấp 4 trên. Nội dung xác nhận của Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T nhằm mục đích thể hiện việc bà T đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp từ năm 1993 và người sử dụng thuộc gia đình có công với cách mạng nên không phải chịu nghĩa vụ tài chính; còn 01 thửa đất bà T nhận từ cụ Đắc để sử dụng thì phải chịu 50% nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng xây dựng phương án, các ban ngành xét duyệt sau đó tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật, hết thời gian niêm yết, không ai có ý kiến gì, Uỷ ban nhân dân phường trình thành phố phê duyệt phương án. Bà T thực hiện nghĩa vụ tài chính sau đó bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2 địa chỉ: 10/179, tổ 18, đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ cho bà Vũ Thị T với tổng diện tích là 42,2m^2 theo đúng quy định của pháp luật. Đối tượng được cấp là bà Vũ Thị T.

Như vậy, không có căn cứ về việc Uỷ ban nhân dân phường Vị Hoàng hay cơ quan có thẩm quyền nào cấp cho ông Vũ Xuân Thức theo diện chính sách hay đối với người có công. Ông Thức chết năm 1995, năm 2004 bà T có đơn đề nghị và được các ban ngành xét, trình Uỷ ban thành phố phê duyệt và ngày 01-12-2006 và Vũ Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Kháng cáo, đề nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 297717 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định cấp ngày 01-12-2006 cho bà Vũ Thị T đối với thửa đất số 87+209, tờ bản đồ số 2, diện tích 42,2m^2 địa chỉ thửa đất: Số 10/179 tổ 18, đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn có nộp cho Toà án "Bản di chúc" của cụ Vũ Thị Mai lập ngày 10-01-2006, có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Đại An.

Xét thấy, vị trí đất được mô tả trong "Bản di chúc" được lập không rõ ràng, không đầy đủ thông tin đối với phần tài sản định đoạt. Nếu suy diễn thì cũng có vẻ phù hợp với vị trí đất mà các đương sự đang có tranh chấp tại thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản. Tuy nhiên, nếu có coi đó là phần diện tích đất mà các đương sự đang có tranh chấp thì cũng không được chấp nhận. Bởi lẽ: Không có văn bản, giấy tờ gì thể hiện cụ Vũ Thị Mai là chủ sử dụng đối với diện

tích đất mà cụ định đoạt. Không có tên cụ Vũ Thị Mai hay Vũ Xuân Tế (Tuế) tại các bản đồ địa chính qua các thời kỳ đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 11 lập năm 1983 (chỉnh lý năm 1987) nay là thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 lập năm 2007. Không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện thửa đất trên đã được cấp cho cụ Vũ Thị Mai hay Vũ Xuân Tế (Tuế). Không có căn cứ về việc ông Thức đã tặng cho hay chuyển nhượng cho cụ Mai, cụ Tuế. Do vậy, "Bản di chúc" do cụ Vũ Thị Mai lập ngày 10-01-2006 là không được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Vũ Thị T1, Vũ Thị T2 thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 91; Điều 147; Điều 148; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 610, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 65 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 100 Luật đất đai 2013

Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành luật đất đai 2013.

Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T (Phương) về việc chia di sản thừa kế của ông Vũ Xuân Thức là diện tích đất ở tại thửa số 180, tờ bản đồ số 7 lập năm 2007 đứng tên bà Vũ Thị T, địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo pháp luật.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu của bà Vũ Thị T (Phương) về việc chia di sản thừa kế của ông Vũ Xuân Thức là diện tích đất CLN và TSN tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 lập năm 2007 đứng tên bà Vũ Thị T, địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Xuân Th, bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị T2 về việc không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Vũ Thị T đối với

thửa đất tại thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định mà xác định diện tích đất tranh chấp ở xã Đại An là tài sản của cụ Tuế và cụ Mai.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Xuân Th về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Vũ Xuân Thức là ½ quyền sở hữu căn nhà tình nghĩa gắn liền với quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ theo quy định của pháp luật và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số AĐ 297717 ngày 01-12-2006 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định cấp cho bà Vũ Thị T đối với diện tích 42,2m^2 đất tại thửa số 87+209, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Số 10/179 đường HT, phường VH, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

5. Xác định di sản thừa kế của ông Vũ Xuân Thức, cụ Vũ Xuân Tuế (tức Tế) và cụ Vũ Thị Mai như sau:

- Xác định ½ diện tích đất ONT (119,2m^2 : 2 = 59,6m^2 trị giá 639.686.800 đồng) thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 lập năm 2007 đứng tên bà Vũ Thị T, địa chỉ: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định là di sản thừa kế của ông Vũ Xuân Thức để chia cho những người được hưởng thừa kế theo pháp luật là bà Vũ Thị T, anh Vũ Xuân Q, cụ Vũ Xuân Tuế (Tế), cụ Vũ Thị Mai.

- Xác định kỷ phần thừa kế cụ Vũ Xuân Tuế và cụ Vũ Thị Mai được nhận từ ông Thức là 29,8m^2 đất trị giá 319.843.400 đồng để chia cho những người được hưởng thừa kế là ông Th1, bà T1, bà T2, ông Th2, ông Th; con của ông Thức là anh Q và các con của ông Thiện là anh Th3, anh Th4.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị T về việc bà tự nguyện thanh toán giá trị tài sản trên đất bà được giao là 2.500.000 đồng cho ông Th, ông Th1, ông Th2, bà T1, bà T2. Số tiền 2.500.000 đồng sẽ giao cho ông Th quản lý, ông Th có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Th1, ông Th2, bà T1, bà T2 mỗi người 500.000 đồng.

7. Di sản thừa kế được phân chia như sau:

- Giao bà Vũ Thị T (tức Phương) được quản lý và sử dụng diện tích 70,4m^2 đất ở (đất ONT) về phía Đông của thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 năm 2007 đứng tên bà Vũ Thị T, địa chỉ thửa đất: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp: Phía Đông tiếp giáp đất ông T có 02 đoạn: 01 đoạn (đoạn 6-7) dài 6,8 mét; 01 đoạn (đoạn 4-5) dài 4,3 mét; phía Tây tiếp giáp đất chia cho ông Th (đoạn 16-8) dài 11,9m; phía Bắc tiếp giáp đất Ủy ban (đoạn 16-4) dài 7,9m; phía Nam có 02 đoạn: 01 đoạn giáp đường Quốc lộ 38B (đoạn 7-8) dài 5,2m; 01 đoạn giáp đất ông T (đoạn 5-6) dài 1,7m. Trị giá tài sản bà T được nhận là 755.603.000 đồng. Bà T (Phương) được sở hữu các tài sản trên diện tích đất gồm một phần sân, lối đi kéo thẳng theo diện tích đất được giao; 01 bể nước; 02 cây nhãn và nhà cấp 4 đã hết khấu hao, giá trị còn lại 0 đồng. Bà Vũ Thị T được nhận tiền thanh toán chênh lệch tài sản từ ông Th là 295.309.800 đồng. Đối trừ số tiền 2.500.000 đồng giá trị tài sản

trên đất bà tự nguyện thanh toán giao cho ông Th, bà T còn được nhận số tiền ông Th thanh toán là 292.809.800 đồng.

- Giao ông Vũ Xuân Th được quản lý và sử dụng diện tích 48,8m^2 đất ở trị giá 523.770.400 đồng (đất ONT) về phía Tây của thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 lập năm 2007 đứng tên bà Vũ Thị T, địa chỉ thửa đất: Thôn Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp: Phía Đông giáp đất giao cho bà T (đoạn 16-8) dài 11,9m; phía Tây giáp đất bà Ngọc (đoạn 9-10) dài 12,3m; phía Nam giáp đường Quốc lộ 38B (đoạn 8-9) dài 4,0m; phía Bắc giáp đất Ủy ban (đoạn 10-16) dài 4,0m. Trị giá tài sản ông Th được nhận là 523.770.400 đồng, cùng toàn bộ tài sản xây dựng trên diện tích đất là nhà 02 tầng mái bằng, giếng nước, bể nước, một phần sân, lối đi. Ông Th phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà T là 295.309.800 đồng. Đối trừ số tiền 2.500.000 đồng giá trị tài sản trên đất bà T tự nguyện thanh toán giao cho ông Th, ông Th còn phải thanh toán cho bà T số tiền là 292.809.800 đồng. Đồng thời ông Vũ Xuân Th có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Xuân Th2, bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị T2, ông Vũ Xuân Th1 mỗi người 45.691.500đồng tiền di sản thừa kế và thanh toán cho mỗi người 500.000 đồng tiền bà T tự nguyện thanh toán tiền tài sản trên đất.

Như vậy, ông Th phải thanh toán cho ông Th1, ông Th2, bà T1, bà T2 mỗi người 46.191.500 đồng. Di sản thừa kế ông Th còn được hưởng là 45.694.600 đồng, đồng thời ông Th được hưởng 500.000 đồng giá trị tài sản trên đất do bà T tự nguyện thanh toán, tổng giá trị tài sản ông Th được hưởng và được nhận là 46.194.600 đồng.

- Ông Vũ Xuân Th1, ông Vũ Xuân Th2, bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị T2 mỗi người được nhận từ ông Th 46.191.500 đồng tiền giá trị di sản thừa kế và tài sản trên đất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

8. Tạm giao cho bà Vũ Thị T và ông Vũ Xuân Th sử dụng phần diện tích đất CLN là 126,2m^2, đất NTS là 166,4m^2 thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 lập năm 2007 cụ thể như sau:

- Tạm giao bà Vũ Thị T sử dụng phần diện tích đất về phía Đông của thửa đất, kéo thẳng từ cạnh phía Nam của phần diện tích đất thổ cư bà T được nhận thừa kế đến hết diện tích đất về phía Bắc của thửa đất, diện tích là 223,8m^2 (trong đó đất CLN là 112,2m^2, đất NTS là 111,6m^2) có các cạnh tiếp giáp: Phía Đông có 02 đoạn gồm: 01 đoạn (đoạn 1-2) dài 12,1m, 01 đoạn (đoạn 3-4) dài 5,4m; phía Tây giáp đất tạm giao cho ông Th (đoạn 14–16) dài 17,4m; phía Bắc giáp đất Ủy ban nhân dân (đất hai lúa), (đoạn 14-1) dài 18,4m; phía Nam có 02

đoạn, (đoạn 16-4) giáp đất thổ cư giao cho bà T dài 7,9m, (đoạn 3-2) giáp đất ông T dài 3,7m.

- Tạm giao ông Vũ Xuân Th sử dụng diện tích đất phía Tây của thửa đất, kéo thẳng từ cạnh phía Nam của diện tích đất thổ cư ông Th được giao thừa kế đến hết phần diện tích đất về phía Bắc của thửa đất, diện tích là 68,8m^2 (trong đó đất CLN là 14,0m^2, đất NTS là 54,8m^2) có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông (đoạn 14-16) dài 17,4m giáp đất tạm giao cho bà T; phía Tây có 02 đoạn: 01 đoạn (đoạn 12-10) dài 14,4m giáp đất bà Ngọc; 01 đoạn (13-12) dài 3,4m giáp đất ông Trụ; phía Bắc giáp đất Ủy ban nhân dân (hai lúa) (đoạn 13-14) dài 2,9m; phía Nam giáp đất thổ cư ông Th được chia thừa kế (đoạn 10-16) dài 4m.

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo).

9. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục liên quan đến đất được giao và tạm giao theo quy định của pháp luật và quyết định của bản án.

10. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị T2, anh Vũ Xuân Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Vũ Thị T phải nộp phần án phí chia tài sản cho anh Vũ Xuân Th3, Vũ Xuân Th4 là: 2.284.500 đồng.

- Ông Vũ Xuân Th1, Vũ Xuân Thuỳ mỗi người phải nộp án phí chia tài sản là: 2.309.500 đồng.

- Ông Vũ Xuân Th phải nộp 2.309.500 đồng án phí chia tài sản và tiền án phí về yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 9.573.900 đồng. Tổng số tiền án phí ông Th phải nộp là 11.883.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp 10.000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2016/0002011 ngày 14-9-2020, ông Th còn phải nộp 1.883.000 đồng.

11. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Xuân Th phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền 0001361 ngày 19-10-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vụ Bản, ông Th đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Hương **Vũ Thị Thu** **Mai Thị Minh Hồng**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Vụ Bản;
- Chi cục THADS h. Vụ Bản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Mai Thị Minh Hồng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Hương **Vũ Thị Thu** **Mai Thị Minh Hồng**